TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 55/2019/DS-GĐT
Ngày 03/10/2019
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:
Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó Chánh án làm Chủ tọa phiên tòa.
Thẩm phán Lê Tự - Thành viên
Thẩm phán Trương Minh Tuấn - Thành viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hưởng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản*", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; cư trú: Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ch; cư trú: Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đào Viết D; địa chỉ: Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Nguyễn Hữu Ph; cư trú: Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà là người kinh doanh, thu mua cà phê xung quanh khu vực gia đình sinh sống và là hàng xóm của bà Trần Thị Ch. Ngày 31/8/2015, bà Ch có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng để lo việc gia đình. Tiếp đó, trong năm 2016, bà Trần Thị Ch nhiều lần qua nhà tạm ứng tiền cắt giá cà phê tươi, quy ra bà Ch nợ 18.230 kg cà phê tươi. Bà Ch chỉ trả được 12.074 kg cà phê tươi. Tổng cộng bà Ch còn nợ 6.156 kg và số tiền 30.000.000 đồng. Do bà Ch không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ch trả 6.156 kg cà phê tươi, quy ra

tiền 10.000đ/kg x 6.156 kg = 61.560.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 91.560.0004 đồng.

- Bị đơn là bà Trần Thị Ch trình bày:

Bà thừa nhận ngày 31/8/2015 bà có vay bà H số tiền 30.000.000 đồng và ngày 02/7/2016, bà có nhận nợ bà H số lượng cà phê là 18.230 kg cà phê tươi, đã trả 12.074 kg, còn lại 6.156 kg. Nhưng đối với số nợ 6.156 kg cà phê, bà đã thỏa thuận và xin bà H giảm bớt phần lãi thì hai bên thống nhất giảm cà lời là 3.456 kg, còn nợ lại 2.700 kg cà phê tươi, quy ra tiền (7.500đ/kg x 2.700 kg) = 20.250.000 đồng, hai bên đã thống nhất làm tròn là 20.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản này, bà nợ bà H 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà còn vay bà H nhiều lần, cụ thể:

Ngày 13/8/2016, bà và bà H chốt nợ thì bà còn nợ bà H số tiền 313.600.000 đồng, sau đó, bà trả 13.600.000 đồng nên còn nợ 300.000.000 đồng; ngày 22/8/2016, bà vay 100.000.000 đồng; ngày 29/8/2016, bà vay 200.000.000 đồng, tổng cộng: 600.000.000 đồng. Ngày 06/9/2017 (khi bán nhà cho bà H và ông Dung), do bà còn nợ Ngân hàng 300.000.000 đồng nên đã vay thêm tiền bà H 300.000.000 đồng. Tổng cộng bà nợ bà H là 950.000.000 đồng. Số nợ này bà Ch đã trả cho bà H các lần với hình thức như sau:

Ngày 22/6/2017, bà cấn trừ nợ cho bà H một rẫy cà phê tại làng Sao, xã Hà Bầu, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai với diện tích 5 sào (5000m^2) trị giá 350.000.000 đồng; ngày 06/9/2017, bà tiếp tục cấn trừ cho bà H căn nhà tại Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá 700.0000.000 đồng. Lúc thỏa thuận chốt số nợ thì giữa bà với bà H có viết vào giấy nhưng đã giao cho bà H cất giữ nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được.

Khi bà sang nhượng căn nhà cho bà H để cấn trừ nợ, vợ chồng bà H có nói: "Cô mày cứ sang tên bìa đỏ cho anh chị đi, còn anh chị nợ em 100.000.000 đồng hẹn cuối tháng 11 âm lịch anh chị trả", còn sổ nợ bà H không mang theo và bảo về nhà gạch sổ sau, bà có sang nhà bà H hai lần thì bà H có nói là sổ thằng cháu đi lấy nợ chưa đem sổ về, khi nào nó về thì bà gạch sổ.

Như vậy, sau khi cấn trừ đất rẫy và nhà đất để trả nợ thì bà H còn nợ ngược lại bà số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 91.560.000 đồng bà không đồng ý trả.

- Người có quyền lợi. nghĩa vu liên quan ông Đào Viết D trình bày:

Ông là chồng của bà H. Ông không trực tiếp tham gia việc mua bán, vay mượn, nhưng ông có biết quan hệ làm ăn mua bán cà phê và vay nợ tiền giữa bà H với bà Ch là nhằm mục đích sinh hoạt đời sống gia đình. Khi xem sổ chốt nợ, bà Ch còn nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 06/9/2017, vợ chồng bà Ch, ông Ph có thỏa thuận với vợ chồng ông về việc sang nhượng nhà đất để trả nợ. Chúng tôi thỏa thuận sang nhượng nhà đất trên với giá 700.000.000 đồng. Do

vậy, sau khi bà Ch và ông Ph sang nhượng nhà đất ngày 06/9/2017 để trả nợ thì bà H còn nợ lại bà Ch số tiền là 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, số nợ mà bà Ch còn nợ bà H trước đó chưa được cấn trừ, do bà Ch không đồng ý cấn trừ khoản này mà hẹn đến mùa cà phê sẽ trả nhưng đến nay không trả. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Ch trả 6.156 kg cà phê tươi, quy ra tiền 10.000/kg **x** 6.156 kg = 61.560.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 91.560.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Ph trình bày:

Ông là chồng của bà Ch. Ông có biết bà Ch có quan hệ làm ăn vay mượn, cấn trừ nợ với bà H là vì cuộc sống sinh hoạt gia đình. Trong quá trình làm ăn với nhau, bà Ch có bán cà phê tươi cho bà H với hình thức bà Ch là cắt giá cà phê tươi ứng tiền trước rồi khi tới mùa thu hoạch thì trả cà phê. Ngoài ra, bà Ch cũng có vay tiền bà H nhiều lần. Bà Ch và bà H đã thỏa thuận chốt lại cả nợ cà phê quy ra giá trị bằng tiền, số nợ vay tổng cộng là 650.000.000 đồng. Do việc làm ăn thất bại, vợ chồng không đủ điều kiện trả nợ, nên ngày 22/6/2017, vợ chồng ông đã sang nhượng cho bà H 5 sào rẫy cà phê tại làng Sao, xã Hà Bầu, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai với giá 350.000.000 đồng. Còn nợ bà H số tiền là 300.000.000 đồng. Ngày 6/9/2017, vợ chồng ông thỏa thuận sang nhượng nhà đất tại Tổ F, phường Y, thành phố P cho vợ chồng bà H, ông D với giá là 700.000.000 đồng, nhưng giấy tờ nhà đang thế chấp tại Ngân hàng, nên bà Ch vay thêm của bà H 300.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và lấy giấy tờ nhà về giao cho bà H. Như vậy, còn nợ bà H tổng cộng là 600.000.000 đồng, nhưng đã cấn trừ nợ bằng việc bán căn nhà tại Tổ F, phường Y cho bà H trị giá 700.000.000 đồng nên bà Ch không còn nợ bà H khoản nào nữa, ngược lại bà Lê Thị H còn nợ lại bà Ch là 100.000.000 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 18/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2019/DS-PT ngày 27/02/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 430 và 433 của bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản" giữa nguyên đơn bà Lê Thị H với bị đơn là bà Trần Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Viết D và ông Nguyễn Hữu Ph.

Buộc bà Trần Thị Ch và (chồng) ông Nguyễn Hữu Ph liên đới trả cho bà Lê

Thị H và (chồng) ông Đào Viết D số tiền nợ (30.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 31/8/2015 và giá trị số cà phê còn nợ 6.156 kg cà phê tươi) tổng cộng 73.910.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 14/3/2019, bị đơn bà Trần Thị Ch có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 68/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 22/7/2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm bản án phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật, với nhận định:

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì thấy lời khai của bà Ch cho rằng, số tiền 52.000.000 đồng mà bà Ch vay ngày 10/7/2015, 04/8/2015 và ngày 17/8/2015 đã được thanh toán bằng tiền mặt trước khi cấn rẫy cà phê, còn số nợ cà phê tươi quy ra giá trị 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng vay ngày 31/8/2015 đã được bà Ch, bà H thỏa thuận cấn trừ vào rẫy cà phê là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà Ch phải trả 30.000.000 đồng vay ngày 31/8/2015 và 6.156 kg cà phê tươi là không có cơ sở. Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2019/DS-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có cơ sở.

Tuy nhiên, có một số khoản tiền bà Ch vay của bà H với mức lãi suất vượt quá lãi suất tối đa quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, một số khoản lãi nóng nhưng không thể hiện rõ là bao nhiêu nhưng Tòa án hai cấp không làm rõ phần lãi suất vượt quá mức quy định định của pháp luật luật để thực hiện khấu trừ là không đúng; sau khi cấn trừ nợ thì bà H còn nợ bà Ch 100.000.000 đồng nhưng Tòa án không hướng dẫn bà Ch làm đơn yêu cầu phản tố để thụ lý, giải quyết theo quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà Ch.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, giữa nguyên đơn bà Lê Thị H với bị đơn bà Trần Thị Ch có quan hệ vay mượn tiền và ứng tiền cắt giá cà

phê. Theo đó, bà H cho bà Ch vay tiền nhiều lần và ứng tiền cắt giá cà phê tương ứng với số lượng 18.230 kg. Theo bà H, trong các khoản nợ mà bà Ch đã vay thì bà Ch còn nợ bà số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 31/8/2015 và 6.156 kg cà phê tươi. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ch trả hai khoản này cho bà với tổng số tiền là 91.560.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ch thừa nhận, ngày 31/8/2015 bà Ch có vay bà H số tiền 30.000.000 đồng và ngày 02/7/2016 bà Ch có cắt giá cà phê tươi số lượng 18.230 kg. Đến mùa thu hoạch, bà Ch đã trả cho bà H 12.074 kg, còn nợ lại 6.156 kg. Tuy nhiên, bà Ch cho rằng bà đã trả hai khoản nợ trên cho bà H thông qua việc cấn trừ tài sản cho bà H, cụ thể như sau:

- Khoản cà phê tươi còn lại 6.156 kg, hai bên đã thỏa thuận bớt lãi nên còn 2.700 kg, quy ra tiền là 20.250.000 đồng và hai bên đã thống nhất làm tròn khoản tiền nợ cà phê là: 20.000.000 đồng;

- Khoản vay ngày 31/8/2015: 30.000.000 đồng;
- Khoản vay chốt ngày 13/8/2016: 300.000.000 đồng;
- Ngày 22/8/2016 vay: 100.000.000 đồng;
- Ngày 29/8/2016 vay: 200.000.000 đồng;

Tổng cộng: 650.000.000 đồng.

Do không trả được nợ nên ngày 22/6/2017, bà Ch đã giao cho bà H một rẫy cà phê tại Làng Sao, xã Hà Bầu, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai trị giá 350.000.000 đồng. Sau khi giao rẫy cà phê, bà Ch còn nợ bà H 300.000.000 đồng. Đến ngày 06/9/2017, bà Ch tiếp tục cấn trừ cho bà H căn nhà tại Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá 700.000.000 đồng, nhưng lúc này bà Ch đang thế chấp căn nhà trên cho Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng 300.000.000 đồng nên bà Ch đã mượn bà H thêm 300.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng và rút giấy tờ nhà về giao cho bà H. Như vậy, đến thời điểm này bà Ch nợ bà H 600.000.000 đồng nên sau khi cấn trừ căn nhà trên thì bà H còn nợ ngược lại bà Ch 100.000.000 đồng (bút lục 232). Bà Ch xác định, khi cấn trừ xong các khoản nợ (trong đó có hai khoản nợ mà nguyên đơn khởi kiện) thì bà Ch đến nhà bà H yêu cầu xóa sổ nợ nhưng bà H nói sổ nợ người cháu đi lấy nợ chưa về và nói bà Ch yên tâm bà H sẽ gạch sổ (bút lục 134).

Nguyên đơn cho rằng, việc bị đơn cấn trừ rẫy cà phê cho nguyên đơn vào ngày 22/6/2017 gồm các khoản nợ sau:

- Ngày 10/7/2015 vay số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 04/8/2015 vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 17/8/2015 vay số tiền 22.000.000 đồng;
- Ngày 13/8/2016 chốt khoản nợ còn lại 300.0000.000 đồng.

Tổng cộng là 352.000.000 đồng nhưng làm tròn thành 350.000.000 đồng và cấn trừ rẫy cà phê là hết các khoản nợ trên. Còn khoản vay ngày 22/8/2016 100.000.000 đồng, ngày 29/8/2016 vay 200.000.000 đồng và ngày 06/9/2017

vay 300.000.000 đồng để trả ngân hàng thì cấn trừ căn nhà tại Tổ F, phường Y như bà Ch trình bày. Còn khoản vay ngày 31/8/2015 là 30.000.000 đồng và cắt giá cà phê 6.156 kg thì bà Ch chưa trả nên bà H khởi kiện đối với hai khoản này.

Xét thấy:

[1] Tại *"Giấy sang nhượng nhà"* lập ngày 06/9/2017 thể hiện, tại thời điểm bà Ch cấn trừ ngôi nhà tại Tổ F, phường Y cho bà H thì bà Ch còn nợ bà H 600.000.000 đồng, trong khi giá trị căn nhà hai bên thỏa thuận là 700.000.000 đồng nên sau khi vợ chồng bà Ch cấn trừ ngôi nhà trên cho vợ chồng bà H thì vợ chồng bà H nợ ngược lại vợ chồng bà Ch 100.000.000 đồng (bút lục 232). Như vậy được hiểu rằng, đến thời điểm ngày 06/9/2017, việc cấn trừ nợ của bà Ch đối với bà H đã hết và bà H còn nợ lại bà Ch 100.000.000 đồng còn dư sau khi cấn trừ ngôi nhà; nếu bà Ch còn nợ hai khoản nợ như bà H khởi kiện thì tại thời điểm cấn trừ nhà (06/9/2017) bà H sẽ tiếp tục cấn trừ vào số tiền 100.000.000 đồng còn dư, chứ bà H không xác nhận là còn nợ vợ chồng bà Ch 100.000.0000 đồng tại Giấy sang nhượng nhà nêu trên.

Mặt khác, đối với các khoản vay, nợ vào các ngày 10/7/2015, 04/8/2015, 17/8/2015 và 14/9/2015 được viết trên cùng một trang giấy với số tiền vay, nợ là 59.000.000 đồng, thì các khoản nợ này đã được bà Ch gạch bỏ và cuối trang giấy này bà Ch có ghi *"Tổng cộng còn lại 30.000.000 đồng, ngày 28/12/2015"* (bút lục 22); điều này có nghĩa là đến ngày 28/12/2015 (trước khi cấn rẫy cà phê vào ngày 22/6/2017), các khoản nợ tại trang giấy này đã được hai bên đã chốt tổng số nợ còn lại là 30.000.000 đồng (khoản này nguyên đơn không khởi kiện). Do các khoản nợ trên đã được chốt nợ vào ngày 28/12/2015 nên không thể được tiếp tục cấn trừ vào rẫy cà phê như lời trình bày của bà H. Do vậy, việc bà H cho rằng số tiền 52.000.000 đồng mà bà Ch vay vào các ngày 10/7/2015, 04/8/2015, 17/8/2015 (làm tròn 50.000.000 đồng) được cấn trừ vào rẫy cà phê ngày 22/6/2017 chứ không phải trả tiền mặt là không phù hợp và mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Chưa kể đến, việc nguyên đơn cho rằng khoản vay của các ngày 10/7/2015, 04/8/2015, 17/8/2015 cùng với khoản 300.000.000 đồng chốt nợ của ngày 13/8/2016, tổng cộng 350.000.000 đồng là cấn trừ rẫy cà phê tại làng Sao vào ngày 22/6/2017, nhưng tại các giấy nợ thể hiện, khoản 300.000.000 đồng đã cấn trừ này được đánh chéo bên cạnh, còn 3 khoản còn lại thì lại gạch bỏ là mâu thuẫn, trong khi bà H giải thích khoản gạch bỏ là bà Ch gạch, còn khoản đánh dấu chéo bên cạnh là bà đánh dấu để biết được bà Ch đã trả (bút lục 133). Như vậy, lời khai của bị đơn về việc có khoản bị đơn đã trả nhưng nguyên đơn không gạch sổ là có cơ sở.

Từ phân tích trên cho thấy, mặc dù hai khoản vay, nợ mà bà H khởi kiện chưa được gạch bỏ nhưng đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì thấy lời khai của bà Ch rằng, số tiền 52.000.000 đồng mà bà Ch vay ngày 10/7/2015, 04/8/2015, 17/8/2015 đã được bà Ch thanh toán bằng tiền mặt trước

khi cấn rẫy cà phê, còn số cà phê tươi còn nợ lại đã quy ra thành tiền 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền vay ngày 31/8/2015 đã được bà Ch cấn trừ vào rẫy cà phê là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có cơ sở, không đánh giá một cách toàn diện các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án.

[2] Ngoài ra, theo lời khai của bà Ch thì *"... đối với số nợ 6.156 kg cà phê, bà đã thỏa thuận và xin bà H giảm bớt phần lãi thì hai bên thống nhất giảm cà lời là 3.456 kg, còn nợ lại 2.700 kg cà phê tươi, quy ra tiền (7.500đ/kg x 2.700 kg) = 20.250.000 đồng, hai bên đã thống nhất làm tròn là 20.000.000 đồng, cộng với 30.000.000 đồng mà bà vay trước đó là 50.000.000 đồng"* (bút lục 135); qua lời khai này của bà Ch, cho thấy bà đã đề cập đến vấn đề tiền lãi; tuy nhiên, quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm không đề cập đến nội dung tiền lãi (có hay không), nếu có thì làm rõ lãi suất cũng như số tiền lãi thanh toán cụ thể như thế nào, có vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật không, để từ đó xem xét, quyết định việc thanh toán số nợ gốc, lãi cho phù hợp.

[3] Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng được ghi trong *Giấy sang nhượng nhà thì*: *"... số tiền nhà vợ chồng tôi bán cho chị H D là 700.000.000 đồng, giá cả hai bên đã thỏa thuận. Vậy trừ 600.000.000 đồng vợ chồng tôi còn nợ chị Hoa thì vợ chồng chị H D còn nợ lại vợ chồng tôi là 100.000.000 đồng, bây giờ chị H D khách nợ lại 100.000.000 đồng với vợ chồng tôi cuối tháng 11 âm lịch năm 2017 sẽ hoàn thành cho hai vợ chồng tôi đầy đủ..."* (bút lục 233), quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu gì nên Tòa án hai cấp không xem xét là phù hợp. Tuy nhiên, tại giai đoạn xem xét vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, bà Ch có đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H trả số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng bà; do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần giải thích về quyền và nghĩa vụ của đương sự về nội dung này, nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 343, Điều 345, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 07/2019/DS-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST số 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, về vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán hàng hóa"* giữa nguyên đơn là bà Lê Thị H với bị đơn là bà Trần Thị Ch; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Viết D và ông Nguyễn Hữu Ph.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để báo cáo);
- Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai (02 bản kèm hồ sơ vụ án để xét xử lại);
- TAND tỉnh Gia Lai (để biết);
- Chi cục THA dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GĐKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lại Văn Trình